

Số 80/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2018

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 19 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi tắt là Nghị định số 147/2003/NĐ-CP); Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 135/2004/NĐ-CP).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP

1. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 21. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Giao dịch giữa người có nhu cầu cai nghiện ma túy và cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy là quan hệ dân sự, được thực hiện thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện. Đối với người nghiện ma túy dưới 18 tuổi có nhu cầu cai nghiện ma túy phải thực hiện giao kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện thông qua cha, mẹ hoặc người giám hộ.

2. Khi tiến hành giao kết hợp đồng, người thực hiện giao kết hợp đồng phải chứng minh nhân thân bằng một trong các loại giấy tờ sau: Thẻ căn cước công dân; chứng minh nhân dân; hộ chiếu; giấy khai sinh; giấy phép lái xe.

3. Ngay khi người có nhu cầu cai nghiện ma túy đề xuất nhu cầu sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy và chứng minh nhân thân, cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của người cai nghiện, quyền và nghĩa vụ của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện.

4. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện được ký kết giữa người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy và người có nhu cầu cai nghiện ma túy hoặc cha, mẹ, người giám hộ đối với người nghiện ma túy dưới 18 tuổi. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Khi tiếp nhận người tự nguyện cai nghiện ma túy, cơ sở cai nghiện phải kiểm tra, lập biên bản tiếp nhận người nghiện ma túy, đồ dùng cá nhân và tư trang (nếu có); khám sức khỏe ban đầu”.

2. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Kết thúc hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Khi hoàn thành hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện, các bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự. Đồng thời, người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy phải cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy tự nguyện cho người đã cai nghiện ma túy theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện khi kết thúc hợp đồng mà chưa đủ 18 tuổi thì Cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy có trách nhiệm bàn giao người đã cai nghiện cho cha, mẹ hoặc người giám hộ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vi phạm hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện thì các bên tiến hành thương lượng. Trường hợp phải chấm dứt hợp đồng thì giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Người đi cai nghiện ma túy tự nguyện đang trong thời gian điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và phục hồi sức khoẻ không được chấm dứt hợp đồng trừ trường hợp có chỉ định của Bác sỹ."

3. Bổ sung Điều 2a sau Điều 2 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP như sau:

“Điều 2a. Chế độ chính sách đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Chế độ chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định tại Nghị định này được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 48a và Điều 48b Nghị định số 135/2004/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định này.

2. Chế độ chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện theo khoản 1 Điều này được thực hiện thí điểm từ năm 2018 đến năm 2020 tại 15 cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập ở 10 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm: Sơn La, Thái Nguyên, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bình Dương và Cần Thơ.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập theo khoản 1 Điều này.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thí điểm quy định tại khoản 2 Điều này, kiểm tra, theo dõi, đánh giá, tổng kết, báo cáo Chính phủ.”

4. Bổ sung Điều 2b sau Điều 2 và Điều 2a Nghị định số 147/2003/NĐ-CP như sau:

“Điều 2b. Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện

a) Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tối thiểu là 6 tháng, gồm: Điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khoẻ; giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, tư vấn hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

b) Thời gian điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và phục hồi sức khoẻ tối thiểu là 20 ngày.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP

1. Điều 28 được sửa đổi như sau:

“Điều 28. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP.”

2. Điều 29 được sửa đổi như sau:

“Điều 29. Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện

Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện theo quy định tại Điều 2b Nghị định số 147/2003/NĐ-CP.”

3. Điều 48 được sửa đổi như sau:

“Điều 48. Kết thúc hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

Kết thúc hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP.”

4. Bổ sung Điều 48a sau Điều 48 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP như sau:

“Điều 48a. Chế độ, chính sách đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện công lập.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau:

a) Thương binh;

b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

c) Người thuộc hộ nghèo;

d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa;

đ) Trẻ em mồ côi;

e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách và dự kiến số lượng người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:

a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

b) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

c) Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.”

5. Bổ sung Điều 48b sau Điều 48 và Điều 48a Nghị định số 135/2004/NĐ-CP như sau:

“Điều 48b. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ cai nghiện ma túy tự nguyện

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.”

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018.

2. Bãi bỏ Điều 19, Điều 20 và Điều 22 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP.

3. Bãi bỏ Điều 26, Điều 27 và Điều 49 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.

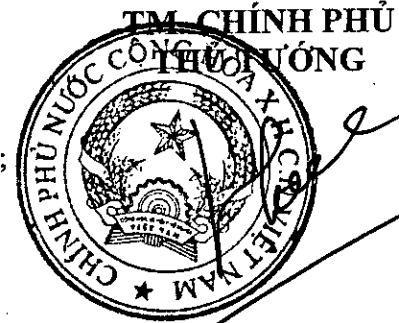
4. Trách nhiệm thực hiện

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất quản lý nhà nước về lĩnh vực cai nghiện ma túy tự nguyện; hướng dẫn tổ chức, hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho người làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và báo cáo theo quy định.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).KN 205



Nguyễn Xuân Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 517/SY-UBND

Bình Định, ngày 28 tháng 5 năm 2018

Nơi nhận:

- PCT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Tài chính;
- PVP NN, K20;
- Lưu: VT (05b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi



Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 80/2018/NĐ-CP
ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy tự nguyện

CƠ QUAN QUẢN LÝ
TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/HĐDV

....., ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG

Cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

Căn cứ Nghị định số: /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định thành lập Cơ sở

Căn cứ Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy số /BLĐT BXH-GPHĐCNMT ngày tháng năm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp cho cơ sở trong đó có nội dung hoạt động được phép cai nghiện ma túy.....;

Xét nguyện vọng của người ký hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện và khả năng của cơ sở cai nghiện;

Hôm nay, ngày tháng năm 20.....

Tại Cơ sở chúng tôi gồm có:

I. Bên A: TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY

1. Ông/Bà
2. Chức vụ:.....
3. Điện thoại:..... Số Fax:Email:.....
4. Số tài khoản:.....mở tại ngân hàng.....
5. Mã số thuế:.....

II. Bên B: NGƯỜI KÝ HỢP ĐỒNG CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN

1. Ông/bà:.....
2. Sinh ngày.....tháng.....năm.....

3. Số của giấy tờ (thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu, giấy khai sinh hoặc hộ khẩu, giấy phép lái xe):ngày cấp.....; nơi cấp.....

4. Địa chỉ nơi ở:

5. Điện thoại:.....

6. Quan hệ với người cai nghiện ma túy tự nguyện (Ghi rõ: Là người nghiện ma túy; người giám hộ; cha, mẹ).

Hai bên thống nhất ký hợp đồng cai nghiện ma túy với các điều khoản sau:

Điều 1. Hình thức và thời gian cai nghiện ma túy

Hình thức và thời gian cai nghiện ma túy:

1. Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và phục hồi sức khoẻ (chỉ điều trị nội trú, trừ trường hợp chỉ định của Bác sỹ).

2. Giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện (Ghi cụ thể nội trú; ngoại trú; cả nội trú và ngoại trú với thời gian cụ thể).

Điều 2. Các khoản kinh phí được nhà nước hỗ trợ và thỏa thuận người cai nghiện phải đóng góp

1. Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và phục hồi sức khoẻ

2. Giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện

Điều 3. Quyền và trách nhiệm của các bên liên quan

1. Quyền và trách nhiệm của người cai nghiện ma túy tự nguyện

a) Người cai nghiện ma túy tự nguyện được cơ sở cai nghiện cung cấp các thông tin sau:

- Các hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Mức kinh phí nhà nước hỗ trợ khi cai nghiện ma túy tự nguyện.
 - Nội quy, quy chế khi cai nghiện ma túy tự nguyện của cơ sở cai nghiện ma túy.
 - Điều kiện chấm dứt hợp đồng trong trường hợp người nghiện ma túy tự nguyện vi phạm hợp đồng đã được ký giữa người cai nghiện ma túy tự nguyện với cơ sở cai nghiện ma túy.
 - Các hình thức cai nghiện ma túy.
 - Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp sử dụng cho mục đích cai nghiện ma túy và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
 - Điều kiện để người cai nghiện ma túy tự nguyện được cung cấp các dịch vụ cai nghiện ở mức chi phí cao hơn.
- b) Trách nhiệm của người nghiện ma túy khi tham gia cai nghiện ma túy
- Tôn trọng và không có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng của người khác tại cơ sở cai nghiện ma túy.
 - Cung cấp trung thực thông tin liên quan đến tình trạng nghiện ma túy.
 - Chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện trong thời gian cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy.
 - Chi trả các chi phí ngoài mức nhà nước hỗ trợ theo quy định và các dịch vụ cao hơn khi sử dụng theo thỏa thuận.

2. Quyền và trách nhiệm của cơ sở cai nghiện ma túy

a) Cơ sở cai nghiện ma túy được quyền

Chấm dứt hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện đối với những người vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy.

b) Trách nhiệm của cơ sở cai nghiện ma túy

- Khi tiếp nhận người nghiện ma túy, cơ sở cai nghiện ma túy phải kiểm tra, lập biên bản tiếp nhận người nghiện ma túy, đồ dùng cá nhân và tư trang (nếu có); khám sức khỏe ban đầu.
- Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động cai nghiện, nội quy quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy.
- Bảo mật thông tin của người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện, trừ các trường hợp sử dụng cho mục đích cai nghiện ma túy và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Tổ chức cung cấp đầy đủ dịch vụ cai nghiện ma túy cho người cai nghiện ma túy tự nguyện theo đúng Hợp đồng đã ký.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày tháng năm và kết thúc vào ngày tháng năm

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu thấy cần thiết thay đổi; bổ sung nội dung, hai bên thỏa thuận để thực hiện.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định hiện hành.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CNMT

GIẤY CHỨNG NHẬN

Ông/Bà:.....

Sinh ngày:.....

Địa chỉ:.....

Đã hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy tự nguyện
(Ghi cụ thể thực hiện quy trình: Cắt con giải độc, hay cả quy trình)

.....
Thời gian: Từ ngày.....đến ngày.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)